

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN AN PHÚ



Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 6/2017

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
ĐIỀU 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ	5
ĐIỀU 2. Tên, hình thức, trụ sở Công ty và thời hạn hoạt động của Công ty	7
ĐIỀU 3. Luật điều chỉnh và giải thích Điều lệ.....	8
ĐIỀU 4. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.....	8
ĐIỀU 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
CHƯƠNG 2. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN.....	9
ĐIỀU 6. Vốn điều lệ	9
ĐIỀU 7. Cổ phần.....	10
ĐIỀU 8. Thu hồi Cổ phần.....	11
ĐIỀU 9. Cổ phiếu và Sổ chứng nhận cổ đông.....	12
ĐIỀU 10. Sổ đăng ký cổ đông.....	13
ĐIỀU 11. Các chứng khoán khác.....	14
ĐIỀU 12. Chuyển nhượng, thừa kế Cổ phần.....	14
CHƯƠNG 3. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	15
ĐIỀU 13. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	15
ĐIỀU 14. Quyền hạn của Cổ đông.....	16
ĐIỀU 15. Nghĩa vụ của Cổ đông.....	17
CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	18
ĐIỀU 16. Đại hội đồng cổ đông.....	18
ĐIỀU 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	18
ĐIỀU 18. Các đại diện được ủy quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông.....	19
ĐIỀU 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo	20
ĐIỀU 20. Các điều kiện họp lệ của Đại hội đồng cổ đông	23
ĐIỀU 21. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
ĐIỀU 22. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
ĐIỀU 23. Biên bản họp Đại hội.....	26
ĐIỀU 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	27
ĐIỀU 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
CHƯƠNG 5. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
ĐIỀU 26. Số lượng thành viên, nhiệm kỳ, đề cử và bầu Hội đồng quản trị.....	29
ĐIỀU 27. Thành viên Hội đồng quản trị và các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.....	30
ĐIỀU 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	31
ĐIỀU 29. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	33
ĐIỀU 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	35
ĐIỀU 31. Thư ký Công ty.....	38
CHƯƠNG 6. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CƠ CẤU ĐIỀU HÀNH KINH DOANH CỦA CÔNG TY	38
ĐIỀU 32. Cơ cấu điều hành kinh doanh của Công ty.....	38

ĐIỀU 33.	Nhân viên, cán bộ quản lý và công đoàn	39
ĐIỀU 34.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	39
CHƯƠNG 7. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ		41
ĐIỀU 35.	Trách nhiệm cẩn trọng của Người quản lý	41
ĐIỀU 36.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	41
ĐIỀU 37.	Trách nhiệm và bồi thường	42
CHƯƠNG 8. BAN KIỂM SOÁT		43
ĐIỀU 38.	Cơ cấu, quyền hạn và hoạt động của Ban kiểm soát	43
ĐIỀU 39.	Hợp Ban kiểm soát	44
ĐIỀU 40.	Nhiệm kỳ và Bầu Ban kiểm soát	44
ĐIỀU 41.	Chi phí hoạt động và ngân sách của Ban kiểm soát	45
ĐIỀU 42.	Mất tư cách thành viên Ban kiểm soát	45
CHƯƠNG 9. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ		45
ĐIỀU 43.	Phân chia lợi nhuận và các quỹ	45
ĐIỀU 44.	Cổ tức	46
CHƯƠNG 10. TÀI CHÍNH		47
ĐIỀU 45.	Quyền về tài chính	47
ĐIỀU 46.	Quy chế tài chính nội bộ	48
ĐIỀU 47.	Tài khoản ngân hàng	48
ĐIỀU 48.	Năm tài khóa	49
ĐIỀU 49.	Hệ thống kế toán	49
ĐIỀU 50.	Báo cáo hàng năm	49
ĐIỀU 51.	Công bố thông tin tài chính và thông báo ra công chúng	49
ĐIỀU 52.	Kiểm toán	50
CHƯƠNG 11. LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN		50
ĐIỀU 53.	Lao động	50
ĐIỀU 54.	Công đoàn	51
CHƯƠNG 12. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC		51
ĐIỀU 55.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	51
ĐIỀU 56.	Con dấu	51
ĐIỀU 57.	Chấm dứt hoạt động	51
ĐIỀU 58.	Trình tự giải thể và thanh lý	52
ĐIỀU 59.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	53
ĐIỀU 60.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	53
ĐIỀU 61.	Ngày hiệu lực	53
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		54

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN AN PHÚ

**(ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THÔNG QUA THEO
NGHỊ QUYẾT HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ
ĐÔNG NGÀY 15/6/2017)**

Điều lệ này của CÔNG TY CỔ PHẦN AN PHÚ (dưới đây gọi là "**Công ty**") là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định, quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị và của những Người quản lý được ban hành và/hoặc thông qua theo thủ tục đúng với Điều lệ này và các quy định của Pháp luật sẽ có hiệu lực ràng buộc đối với Công ty.

Điều lệ này được Công ty thông qua ngày 04 tháng 08 năm 2004 và được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung và thông qua theo nghị quyết hợp lệ ngày 15 tháng 06 năm 2017.

CHƯƠNG 1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ

1.1 Ngoại trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ và từ viết tắt sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

1.1.1 "**Cổ phần**" là một đơn vị của Vốn điều lệ được hình thành bằng cách chia Vốn điều lệ thành nhiều phần bằng nhau.

1.1.2 "**Cổ phần phổ thông**" là một Cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng và cho phép Cổ đông nắm giữ có các quyền theo quy định của pháp luật và ĐIỀU 14 của Điều lệ này.

1.1.3 "**Cổ phần có quyền biểu quyết**" là bất cứ Cổ phần nào của Công ty (Cổ phần phổ thông hoặc Cổ phần ưu đãi) mà Cổ đông nắm giữ cổ phần đó không bị hạn chế quyền biểu quyết.

1.1.4 "**Cổ đông**" là bất kỳ thể nhân hoặc pháp nhân nào sở hữu ít nhất một Cổ phần đã được phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.

1.1.5 "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

1.1.6 "**Cổ đông có quyền biểu quyết**":

Trong trường hợp bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông có quyền biểu quyết là người thỏa mãn các yêu cầu sau: (i) là Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đó) nắm giữ ít nhất một Cổ phần có quyền biểu quyết và (ii) có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bỏ phiếu.

Trong trường hợp thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Cổ đông có quyền biểu quyết là Cổ đông nắm giữ ít nhất một Cổ phần có quyền biểu quyết.

1.1.7 "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về thuế và tài chính.

1.1.8 "**Đại hội đồng cổ đông**" hoặc "**Đại hội**" là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty như được quy định tại CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

1.1.9 "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của nước CHXHCN Việt Nam ("Luật Doanh nghiệp") và các bản sửa đổi bổ sung của Luật này.

- 1.1.10 “**Ngày thành lập**” là ngày mà Công ty được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên.
- 1.1.11 “**Ngày làm việc**” là ngày không trùng với ngày thứ bảy hoặc chủ nhật, các ngày nghỉ theo quy định của Pháp luật, và/hoặc trùng với ngày các cơ sở sản xuất kinh doanh không được hoạt động theo quy định đột xuất của Chính phủ.
- 1.1.12 “**Người quản lý**”: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- 1.1.13 “**Người có liên quan**” hoặc “**Người liên quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;
- 1.1.14 “**Người quản lý Sở cổ đông**” là người được Hội đồng quản trị chỉ định làm người chịu trách nhiệm quản lý Sở cổ đông theo quy định tại Điều 10.2.
- 1.1.15 “**Nguyên tắc bình đẳng với Cổ đông hiện hữu**” là nguyên tắc theo đó, các điều kiện khi bán Cổ phần cho một bên không phải là Cổ đông hiện hữu của Công ty sẽ không được thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, ngoại trừ trường hợp (i) Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc (ii) Cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- 1.1.16 “**Pháp luật**” là tất cả các quy định pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam liên quan tới tổ chức và hoạt động của Công ty.
- 1.1.17 “**Quyết định thông qua bằng văn bản**” là quyết định hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến của Cổ đông bằng văn bản mà không cần tổ chức cuộc họp như quy định tại ĐIỀU 24.
- 1.1.18 “**Quy chế quản trị**” là những quy chế do Hội đồng quản trị ban hành quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Người quản lý và cán bộ quản lý của Công ty.
- 1.1.19 “**Quy định của Công ty**” là (i) Điều lệ, (ii) các Quy chế quản trị, (iii) nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, (iv) nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị, (v) quyết định của Ban kiểm soát, và (vi) các quy định của Người quản lý và cán bộ, nhân viên trong phạm vi thẩm quyền của họ.
- 1.1.20 “**Thời hạn**” là thời hạn hoạt động của Công ty như được quy định tại Điều 2.4 của Điều lệ này.
- 1.1.21 “**Vốn điều lệ**” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp hoặc cam kết đóng góp và được ghi nhận tại ĐIỀU 6.
- 1.1.22 “**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- 1.1.23 “**Công ty**” là Công ty Cổ phần An Phú.

- 1.2 Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới một văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế cho văn bản đó. Các tham chiếu tới các điều, khoản - nếu không được quy định rõ văn bản chứa đựng điều, khoản đó - sẽ được hiểu là tham chiếu tới các điều, khoản của Điều lệ này.
- 1.3 Các tiêu đề của văn bản, các chương, điều, khoản được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của nội dung các quy định tại Điều lệ này.
- 1.4 Ngày, tháng, năm trong Điều lệ này được tính theo ngày, tháng, năm dương lịch. Giờ được tính theo giờ Hà Nội. Các từ số ít sẽ bao gồm cả số nhiều và ngược lại.
- 1.5 Các từ hoặc thuật ngữ nào không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ mang các ý nghĩa như được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 2. Tên, hình thức, trụ sở Công ty và thời hạn hoạt động của Công ty

- 2.1 Tên và hình thức của Công ty:
 - 2.1.1 Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là:
CÔNG TY CỔ PHẦN AN PHÚ
 - 2.1.2 Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh là:
AN PHU CORPORATION
 - 2.1.3 Tên viết tắt của Công ty là:
AN PHU CORP
- 2.2 Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - 2.2.1 Địa chỉ trụ sở chính:
Lầu 1, số 3-5-7 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.
 - 2.2.2 Điện thoại: +84-8-3526.5835 Fax: +84-8-3526.5834
 - 2.2.3 Website: <http://www.anphucorp.com.vn>
 - 2.2.4 Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật, bao gồm:
 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 2. Tổng Giám đốc.
- 2.3 Chi nhánh và văn phòng đại diện:

Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép
- 2.4 Thời hạn hoạt động:

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ Ngày Thành lập và là vô thời hạn.

ĐIỀU 3. Luật điều chỉnh và giải thích Điều lệ

- 3.1 Tổ chức và hoạt động của Công ty tuân thủ:
 - 3.1.1 Pháp luật, và
 - 3.1.2 Quy định của Công ty.
- 3.2 Trong trường hợp quy định của Pháp luật khác với Quy định của Công ty thì quy định áp dụng theo các nguyên tắc sau:
 - 3.2.1 Nếu Pháp luật cho phép Quy định của Công ty khác với Pháp luật thì áp dụng Quy định của Công ty; hoặc
 - 3.2.2 Nếu Pháp luật không cho phép thì áp dụng quy định của Pháp luật.
- 3.3 Trong trường hợp giữa các văn bản thuộc Quy định của Công ty có quy định khác nhau thì áp dụng theo thứ tự ưu tiên sau:
 - 3.3.1 Quy định của Điều lệ,
 - 3.3.2 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông,
 - 3.3.3 Các Quy chế quản trị,
 - 3.3.4 Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị,
 - 3.3.5 Quyết định của Ban kiểm soát, và
 - 3.3.6 Các quy định của Người quản lý và cán bộ quản lý trong phạm vi thẩm quyền của họ.
- 3.4 Trong trường hợp một điều khoản của Điều lệ này có thể có nhiều cách giải thích thì cách giải thích nào có lợi cho đa số các Cổ đông nhất sẽ được lựa chọn.
- 3.5 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát và các cá nhân khác trong Điều lệ này bao gồm toàn bộ các quyền và nghĩa vụ được nêu trong Điều lệ.

ĐIỀU 4. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty

- 4.1 Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - 4.1.1 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh nhà, Cho thuê kho, cho thuê văn phòng, căn hộ);
 - 4.1.2 Xây dựng nhà các loại (chi tiết: xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình dân dụng, giao thông, cấp thoát nước, công trình điện (sau điện kế), khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư, khu du lịch);
 - 4.1.3 Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành công – nông nghiệp - xây dựng, máy móc thiết bị văn phòng (không hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị ngành in);
 - 4.1.4 Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (chi tiết: Mua bán xe ô tô, xe gắn máy);
 - 4.1.5 Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Sàn

giao dịch bất động sản, quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc Hợp đồng);

- 4.1.6 Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: San lấp mặt bằng);
- 4.1.7 Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán hải sản (không hoạt động tại trụ sở);
- 4.1.8 Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình (trừ dược phẩm, súng đạn thể thao), vật tư, trang thiết bị y tế, dụng cụ y tế, văn phòng phẩm);
- 4.1.9 Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp), hàng trang trí nội thất;
- 4.1.10 Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: Mua bán phụ tùng xe);
- 4.1.11 Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Chi tiết: Khai thác cát, đá);
- 4.1.12 Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Mua bán nông sản (không hoạt động tại trụ sở);
- 4.1.13 Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng);
- 4.1.14 Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở);
- 4.1.15 Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Thi công cảnh quan, công viên, cây xanh đường phố, công trình công nghiệp);
- 4.1.16 Hoạt động dịch vụ trồng trọt (không bao gồm dịch vụ cung cấp thuốc bảo vệ thực vật, nguyên vật liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, không hoạt động tại trụ sở).

4.2 Thay đổi lĩnh vực kinh doanh:

Đại hội đồng cổ đông quyết định việc thay đổi lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

ĐIỀU 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

- 5.1 Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- 5.2 Công ty có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG 2. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN

ĐIỀU 6. Vốn điều lệ

- 6.1 Mức Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty là 1.217.302.090.000 (Một nghìn hai trăm mười bảy tỷ ba trăm lẻ hai triệu không trăm chín mươi nghìn) đồng.

6.2 Mệnh giá Cổ phần:

Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 121.730.209 (một trăm hai mươi một triệu bảy trăm ba mươi nghìn hai trăm lẻ chín) Cổ phần với mệnh giá 10.000 VNĐ/Cổ phần.

6.3 Điều chỉnh Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

6.4 Tài sản góp vốn:

6.4.1 Tài sản góp vốn vào Công ty có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.

6.4.2 Quyền sở hữu trí tuệ được sử dụng để góp vốn bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các quyền sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp đối với các quyền nói trên mới có quyền sử dụng các tài sản đó để góp vốn.

6.4.3 Tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng sẽ do Hội đồng quản trị và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và doanh nghiệp chấp thuận.

ĐIỀU 7. Cổ phần

7.1 Vào ngày thông qua Điều lệ này, số Cổ phần của công ty bao gồm:

7.1.1 Cổ phần phổ thông: 121.730.209 (một trăm hai mươi một triệu bảy trăm ba mươi nghìn hai trăm lẻ chín) Cổ phần phổ thông.

7.1.2 Cổ phần ưu đãi khác Cổ phần phổ thông: không.

7.1.3 Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được quy định tại Phụ lục đính kèm. Phụ lục là một phần đính kèm của Điều lệ này.

7.2 Cổ phần ưu đãi:

7.2.1 Hội đồng quản trị thiết kế và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phù hợp với các quy định pháp luật: (i) các loại Cổ phần ưu đãi, (ii) quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu đối với từng loại Cổ phần ưu đãi, và (iii) tổng số Cổ phần ưu đãi của mỗi loại được phát hành, phù hợp với các quy định của Pháp luật.

7.2.2 Hội đồng quản trị thiết kế và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phù hợp với các quy định pháp luật: (i) các loại Cổ phần ưu đãi, (ii) quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu đối với từng loại Cổ phần ưu đãi, và (iii) tổng số Cổ phần ưu đãi của mỗi loại được phát hành, phù hợp với các quy định của Pháp luật.

- 7.2.3 Hội đồng quản trị thiết kế và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phù hợp với các quy định pháp luật: (i) các loại Cổ phần ưu đãi, (ii) quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu đối với từng loại Cổ phần ưu đãi, và (iii) tổng số Cổ phần ưu đãi của mỗi loại được phát hành, phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- 7.2.4 Trong phạm vi số lượng Cổ phần ưu đãi được phép phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Hội đồng quản trị quyết định: (i) thời điểm phát hành, (ii) đối tượng mua Cổ phần ưu đãi, (iii) số lượng Cổ phần ưu đãi cho mỗi đối tượng mua, (iv) mức giá phát hành, và (v) phương thức phát hành Cổ phần ưu đãi.
- 7.3 Chào bán Cổ phần:
- 7.3.1 Cổ phần phổ thông mới sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của từng Cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cho Cổ đông theo quy định tại Điều 124 khoản 2 của Luật Doanh nghiệp với một thời hạn đăng ký mua Cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định (*nhưng không ít hơn mười lăm Ngày làm việc kể từ ngày Công ty gửi thông báo*).
- 7.3.2 Cổ phần ưu đãi sẽ được chào bán theo quyết định của Hội đồng quản trị như quy định tại Điều 7.2.4.
- 7.4 Quản lý Cổ phần không bán hết:
- 7.4.1 Số Cổ phần không phát hành hết sẽ do Hội đồng quản trị quản lý.
- 7.4.2 Số Cổ phần do Hội đồng quản trị quản lý không được tính khi biểu quyết trong mọi trường hợp.
- 7.4.3 Hội đồng quản trị quyết định việc chào bán các Cổ phần theo Nguyên tắc bình đẳng với Cổ đông hiện hữu.
- 7.5 Mua lại Cổ phần đã phát hành:
- 7.5.1 Công ty có thể mua Cổ phần đã phát hành (*kể cả Cổ phần hoàn lại*) theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
- 7.5.2 Số Cổ phần đã phát hành được mua lại không được tính khi biểu quyết trong mọi trường hợp.
- 7.5.3 Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định tại Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
- 7.6 Chứng khoán khác:
- Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với Pháp luật.

ĐIỀU 8. Thu hồi Cổ phần

- 8.1 Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua Cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không

thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

- 8.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (*tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo*), địa điểm thanh toán, và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 8.3 Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
- 8.4 Cổ phần bị thu hồi được coi là cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- 8.5 Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
- 8.6 Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

ĐIỀU 9. Cổ phiếu và Sổ chứng nhận cổ đông

- 9.1 Cổ phiếu:
Cổ phiếu của Công ty là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
- 9.2 Nội dung cổ phiếu:
Cổ phiếu có các nội dung theo quy định của Pháp luật.
- 9.3 Sổ chứng nhận cổ đông:
Cổ đông được cấp duy nhất một Sổ chứng nhận cổ đông tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
- 9.4 Nội dung Sổ chứng nhận cổ đông:
Hội đồng quản trị quyết định hình thức và nội dung Sổ chứng nhận cổ đông. Tuy nhiên sổ chứng nhận cổ đông tối thiểu phải có các thông tin sau đây:
- 9.4.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- 9.4.2 Số lượng Cổ phần và loại Cổ phần;
- 9.4.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, (*hoặc hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân*); tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;
- 9.4.4 Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng Cổ phần;

- 9.4.5 Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty; và
- 9.4.6 Sổ đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành Cổ phần.
- 9.5 Ngôn ngữ trong Sổ chứng nhận cổ đông:
- 9.5.1 Sổ chứng nhận cổ đông được lập bằng tiếng Việt.
- 9.5.2 Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định cấp Sổ chứng nhận cổ đông song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài cho các Cổ đông là pháp nhân hoặc thể nhân có quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì phần tiếng Việt có hiệu lực.
- 9.6 Thời hạn cấp Sổ chứng nhận cổ đông:
- 9.6.1 Đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu Cổ phần: trong thời hạn 10 Ngày làm việc kể từ ngày vào Sổ đăng ký cổ đông, Cổ đông mới được cấp Sổ chứng nhận cổ đông.
- 9.6.2 Đối với trường hợp mua Cổ phần do Công ty phát hành: thời hạn cấp Sổ chứng nhận cổ đông phải được nêu trong phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, và Cổ đông phải được cấp Sổ chứng nhận cổ đông trong thời gian đó.
- 9.7 Hủy và cấp lại Sổ chứng nhận cổ đông:
- 9.7.1 Hủy Sổ chứng nhận cổ đông: Cổ đông phải nộp cho Công ty Sổ chứng nhận cổ đông trong các trường hợp sau: (i) Cổ đông đề nghị cấp lại sổ, hoặc (ii) Cổ đông chuyển quyền sở hữu Cổ phần. Sổ chứng nhận cổ đông này phải bị hủy. Công ty đóng dấu “Hủy” lên từng trang của Sổ chứng nhận cổ đông và cắt chéo góc mỗi trang. Sổ chứng nhận cổ đông đã được đóng dấu “Hủy” và cắt chéo góc sẽ được lưu trữ tại Công ty để làm bằng chứng trong trường hợp xảy ra tranh chấp. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền là người quản lý các Sổ chứng nhận cổ đông bị hủy.
- 9.7.2 Cấp lại Sổ chứng nhận cổ đông: Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty cấp lại Sổ chứng nhận cổ đông trong trường hợp sổ bị mất, bị tiêu hủy, hoặc không còn toàn vẹn. Thủ tục tiến hành cấp mới hoặc thay thế Sổ chứng nhận cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định.
- 9.8 Trách nhiệm quản lý Sổ chứng nhận cổ đông:
- Cổ đông có trách nhiệm quản lý Sổ chứng nhận cổ đông và chịu mọi trách nhiệm đối với bất kỳ bên thứ ba nào liên quan tới Sổ chứng nhận cổ đông.

ĐIỀU 10. Sổ đăng ký cổ đông

- 10.1 Công ty sẽ lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông và cổ phiếu là cơ sở pháp lý về quyền sở hữu Cổ phần của mỗi Cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung sau:
- 10.1.1 Tên và trụ sở chính của Công ty;
- 10.1.2 Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần được quyền chào bán và

số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- 10.1.3 Tổng số Cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn Cổ phần đã góp;
- 10.1.4 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần; và
- 10.1.5 Các chi tiết khác do Hội đồng quản trị quy định vào từng thời điểm.
- 10.2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- 10.3. Sổ đăng ký cổ đông phải lập thành văn bản và nội dung được cập nhật vào một tập dữ liệu điện tử. Trong trường hợp Sổ đăng ký cổ đông bị mất hoặc bị tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được, Công ty phải tái lập lại Sổ đăng ký cổ đông từ tập dữ liệu điện tử lưu trữ. Công ty chịu trách nhiệm đối với sự khác biệt giữa Sổ đăng ký cổ đông và tập dữ liệu điện tử lưu trữ.
- 10.4. Chậm nhất là 10 Ngày làm việc sau khi nhận được thanh toán đầy đủ cho các Cổ phần, Công ty sẽ ghi chép các chi tiết có liên quan đến Cổ đông vào trong Sổ đăng ký cổ đông.
- 10.5. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của họ. Trong trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi đến Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ đăng ký cổ đông.
- 10.6. Trong vòng 12 năm, Công ty không được huỷ bỏ bất kỳ một tài liệu nào trong số các hồ sơ sau: (i) đơn chuyển nhượng Cổ phần đã được đăng ký, và (ii) các chứng từ khác làm cơ sở cho việc điều chỉnh các thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông.

ĐIỀU 11. Các chứng khoán khác

Trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty sẽ được phát hành theo hình thức do Hội đồng quản trị quyết định và phù hợp với Pháp luật.

ĐIỀU 12. Chuyển nhượng, thừa kế Cổ phần

12.1 Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần:

Tất cả các Cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng Cổ phần chỉ được xem là hoàn tất và người nhận chuyển nhượng trở thành Cổ đông sau khi các chi tiết liên quan đến người nhận chuyển nhượng đã được ghi chép vào trong Sổ đăng ký cổ đông theo như quy định tại ĐIỀU 10 của Điều lệ này.

12.2 Thủ tục chuyển nhượng:

- 12.2.1 Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả việc chuyển nhượng Cổ phần phải được thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng ký.

- 12.2.2 Người quản lý Sổ đăng ký cổ đông có quyền từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng vào Sổ đăng ký cổ đông nếu:
- 12.2.2.1 Việc chuyển nhượng không thực hiện bằng văn bản; hoặc
 - 12.2.2.2 Khi đang có tranh chấp liên quan đến Cổ phần chuyển nhượng; hoặc
 - 12.2.2.3 Việc chuyển nhượng là trái quy định của Pháp luật và Điều lệ.
- 12.2.3 Trường hợp Người quản lý Sổ đăng ký cổ đông nghi ngờ tính chân thực của chữ ký hoặc nhận dạng của các bên đăng ký chuyển nhượng thì Hội đồng quản trị có quyền không đăng ký việc chuyển nhượng đó cho tới khi các bên bổ sung được các tài liệu chứng minh tính chân thực đó. Cổ đông có quyền yêu cầu Trường Ban kiểm soát hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị can thiệp trong trường hợp Cổ đông đó cho rằng Người quản lý Sổ đăng ký cổ đông đưa ra các yêu cầu vô lý.
- 12.2.4 Cổ đông không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán đối với Cổ phần đã đăng ký mua nhưng chưa thanh toán đầy đủ cho Công ty.
- 12.3 Thủ tục chuyển nhượng trong trường hợp Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán:
Trong trường hợp Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, việc chuyển nhượng Cổ phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 12.4 Thừa kế Cổ phần:
- 12.4.1 Trong trường hợp một Cổ đông là thể nhân bị chết, những người thừa kế theo di chúc hoặc theo quy định của pháp luật sẽ trở thành cổ đông của Công ty và được Công ty làm thủ tục sang tên Cổ phần theo phán quyết của toà án hoặc theo di chúc. Trong trường hợp một Cổ đông bị mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật thì các quyền cổ đông của người đó do người đại diện theo pháp luật của người đó thực hiện.
 - 12.4.2 Trong trường hợp Cổ đông là tổ chức bị phá sản, giải thể hoặc sáp nhập, thì việc kế thừa các Cổ phần của Cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về phá sản, giải thể hoặc sáp nhập doanh nghiệp.
 - 12.4.3 Trong trường hợp có tranh chấp về quyền thừa kế đối với Cổ phần, Hội đồng quản trị sẽ quản lý số Cổ phần bị tranh chấp cho tới khi tranh chấp được giải quyết bởi cơ quan tòa án có thẩm quyền hoặc khi toàn bộ những người thừa kế đạt được thỏa thuận về thừa kế. Cổ phần đang bị tranh chấp do Hội đồng quản trị quản lý này không được tính khi biểu quyết trong mọi trường hợp. Cổ tức của Cổ phần đang bị tranh chấp sẽ được Hội đồng quản trị quản lý và thanh toán cho người thừa kế Cổ phần theo phán quyết của cơ quan tòa án có thẩm quyền hoặc thỏa thuận của những người thừa kế.

CHƯƠNG 3. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 13. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- 13.1 Đại hội đồng cổ đông;
- 13.2 Hội đồng quản trị;
- 13.3 Ban Kiểm soát; và
- 13.4 Tổng Giám đốc.

ĐIỀU 14. Quyền hạn của Cổ đông

- 14.1 Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số Cổ phần và loại Cổ phần của mình. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua Cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 14.2 Cổ đông nắm giữ Cổ phần phổ thông là Cổ đông phổ thông. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - 14.2.1 Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa ngoại trừ trường hợp bị tước quyền tham dự Đại hội theo quy định tại Điều 21.5.2. Mỗi Cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - 14.2.2 Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 14.2.3 Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - 14.2.4 Được tự do chuyển nhượng Cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ đăng ký cổ đông của công ty trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 14.2.5 Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - 14.2.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - 14.2.7 Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ Cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi và các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật hoàn lại;
 - 14.2.8 Yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của họ theo quy định của Pháp luật;
 - 14.2.9 Đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các vị trí khác nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;
 - 14.2.10 Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- 14.2.11 Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;
 - 14.2.12 Cổ đông có quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật; và
 - 14.2.13 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ và Pháp luật.
- 14.3 Cổ đông lớn có thêm các quyền sau:
- 14.3.1 Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 26.3.2 hoặc Ban kiểm soát theo Điều 40.2.2 của Điều lệ này;
 - 14.3.2 Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông;
 - 14.3.3 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý và điều hành hoạt động của Công ty; và
 - 14.3.4 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông. Thủ tục xem xét và trích lục được thực hiện theo ĐIỀU 55.

ĐIỀU 15. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- 15.1 Tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; Chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 15.2 Thanh toán tiền mua Cổ phần theo số lượng Cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
- 15.3 Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định;
- 15.4 Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;
- 15.5 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; và
- 15.6 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: (i) vi phạm pháp luật, (ii) tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác, (iii) thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 16. Đại hội đồng cổ đông

- 16.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và mọi Cổ đông có quyền biểu quyết đều được tham dự.
- 16.2 Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc gia hạn nếu có phải theo quy định của pháp luật và không vượt quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn.
- 16.3 Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức theo quy định của Điều lệ và Quy trình về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị ban hành.

ĐIỀU 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 17.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - 17.1.1 Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - 17.1.2 Báo cáo của Ban Kiểm soát tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: (i) hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát, (ii) tổng kết cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát, (iii) kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, (iv) kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác, (v) báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông;
 - 17.1.3 Báo cáo của Hội đồng quản trị tối thiểu phải có các nội dung sau: (i) đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính; (ii) hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, (iii) tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; (iv) kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành; (v) kết quả giám sát đối với cán bộ quản lý khác; (vi) các kế hoạch trong tương lai;
 - 17.1.4 Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- 17.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:
 - 17.2.1 Thông qua các báo cáo tài chính năm
 - 17.2.2 Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại Cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại Cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - 17.2.3 Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - 17.2.4 Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - 17.2.5 Việc phát hành các Cổ phần ưu đãi theo quy định tại ĐIỀU 7;

- 17.2.6 Loại Cổ phần và số lượng Cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại Cổ phần, và việc chuyển nhượng Cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - 17.2.7 Việc mở rộng hoặc thay đổi lĩnh vực kinh doanh của Công ty theo quy định tại Điều 4.2;
 - 17.2.8 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - 17.2.9 Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 17.2.10 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - 17.2.11 Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - 17.2.12 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát khi gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - 17.2.13 Quyết định các hoạt động sử dụng vốn, đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp, mua tài sản, tham gia các hợp đồng và các quan hệ tín dụng (mượn, cho vay, bán hàng trả chậm, cho thuê tài chính) giữa Công ty và các bên ngoài Công ty theo quy định tại ĐIỀU 45;
 - 17.2.14 Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% tổng số Cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đã phát hành;
 - 17.2.15 Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Tổng giám đốc; và
 - 17.2.16 Các vấn đề khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 17.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- 17.3.1 Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 17.2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - 17.3.2 Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
- 17.4 Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

ĐIỀU 18. Các đại diện được ủy quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông

18.1 Ủy quyền

Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì Cổ đông ủy quyền phải xác định rõ Cổ phần đại diện của người được ủy quyền. Cổ đông có quyền ủy quyền tối đa ba (03) người tham dự Đại hội đồng cổ đông.

18.2 Hình thức ủy quyền:

Ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo quy định của Pháp luật và mẫu chung do Hội đồng quản trị quy định:

- 18.2.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền;
 - 18.2.2 Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - 18.2.3 Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- 18.3 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)
- 18.4 Trừ trường hợp quy định tại Điều 18.3, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- 18.4.1 Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - 18.4.2 Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - 18.4.3 Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền
- Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 18.5 Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm ban hành và giám sát việc tuân thủ quy chế về ủy quyền của Cổ đông.

ĐIỀU 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo

- 19.1 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên
- 19.1.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm phù hợp do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
 - 19.1.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này quy định, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

19.2 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường

19.2.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

19.2.1.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

19.2.1.2 Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

19.2.1.3 Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

19.2.1.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 14.3 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

19.2.1.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

19.2.1.6 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

19.2.2 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Khoản 19.2.1.3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 19.2.1.4 và 19.2.1.5 Điều này;

19.2.3 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 19.2.2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

19.2.4 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 19.2.3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 19.2.1.4 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

19.3 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

19.3.1 Chốt danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội

không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Pháp luật và các quy định của Công ty;

- 19.3.2 Khẳng định thời gian và địa điểm họp;
 - 19.3.3 Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.
 - 19.3.4 Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - 19.3.5 Các công việc khác phục vụ đại hội.
- 19.4 Thông báo về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông được gửi cho Cổ đông bằng cách:
- 19.4.1 Chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin; hoặc
 - 19.4.2 Nếu một Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó; hoặc
 - 19.4.3 Trong trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể được đặt trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
 - 19.4.4 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - 19.4.4.1 Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - 19.4.4.2 Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - 19.4.4.3 Phiếu biểu quyết;
 - 19.4.4.4 Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - 19.4.4.5 Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 19.5 Thời hạn gửi thông báo:
- Thông báo phải được gửi ít nhất 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ quy định tại Điều 19.4.
- 19.6 Đề xuất nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
- 19.6.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 14.3 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất

phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất 03(ba) ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại Cổ phần người đó nắm giữ, số và ngày đăng ký Cổ đông tại Công ty và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

19.6.2 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 19.6.1 nếu:

19.6.2.1 Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;

19.6.2.2 Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng theo quy định tại Điều 14.3 Điều lệ này.;

19.6.2.3 Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và

19.6.2.4 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

19.7 Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị một dự thảo nghị quyết.

19.8 Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm soạn thảo và ban hành Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông quy định các vấn đề chưa đề cập trong Điều lệ này.

ĐIỀU 20. Các điều kiện họp lệ của Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện họp lệ của Đại hội đồng cổ đông:

20.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.

20.2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

20.3 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 2 chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

20.4 Trong trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày, kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong đại hội lần thứ ba này được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

ĐIỀU 21. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

21.1 Đăng ký Cổ đông:

21.1.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

- 21.1.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, đối với mỗi vấn đề cần bỏ phiếu, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết. Trên thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
- 21.1.3 Cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Việc tiến hành Đại hội sẽ không bị dừng lại do việc đăng ký của Cổ đông đến muộn. Cổ đông đến muộn không có quyền biểu quyết cho các quyết định đã được bỏ phiếu trước đó.
- 21.2 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông:
 - 21.2.1 Chỉ định hoặc bầu Chủ tọa:
 - 21.2.1.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - 21.2.1.2 Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - 21.2.2 Nhiệm vụ của Chủ tọa:
 - 21.2.2.1 Chủ tọa của Đại hội chỉ định một thư ký để lập biên bản Đại hội.
 - 21.2.2.2 Chủ tọa là người quyết định vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
 - 21.2.2.3 Chủ tọa có các quyền khác theo Điều lệ này và Quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị ban hành.
- 21.3 Hoãn cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông:
 - 21.3.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định dời cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sang một thời điểm và/hoặc một địa điểm họp khác nếu Hội đồng quản trị cho rằng:
 - 21.3.1.1 Các Cổ đông có quyền biểu quyết không có đủ chỗ ngồi tại địa điểm tổ chức đại hội, hoặc
 - 21.3.1.2 Có những hành vi của những người có mặt tại Đại hội cản trở hoặc có thể cản trở trật tự của Đại hội.
 - 21.3.2 Chủ tọa có thể hoãn Đại hội theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - 21.3.3 Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) Ngày làm việc kể từ ngày khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc theo lịch làm việc của Đại hội bị trì hoãn trước đó.
- 21.4 Kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông:
 - 21.4.1 Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ và phản đối cho tất cả các vấn đề cần biểu quyết.

- 21.4.2 Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi việc kiểm phiếu được tiến hành xong.
- 21.4.3 Chủ tọa sẽ đề cử cho Đại hội thông qua các cá nhân để làm việc trong ban kiểm phiếu và kiểm soát việc kiểm phiếu.
- 21.5 Đảm bảo cho việc tiến hành Đại hội đồng cổ đông:
 - 21.5.1 Chủ tọa có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo Đại hội đồng cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ và có trật tự.
 - 21.5.2 Chủ tọa có quyền đề nghị Hội đồng quản trị biểu quyết truất quyền tham dự Đại hội của Cổ đông khi người đó không tuân thủ các yêu cầu của Chủ tọa như quy định tại Điều 21.5.1 trên đây.

ĐIỀU 22. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 22.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 22.2 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - 22.2.1 Định hướng phát triển công ty;
 - 22.2.2 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - 22.2.3 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
 - 22.2.4 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được kiểm toán;
 - 22.2.5 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - 22.2.6 Tổ chức lại, giải thể công ty.
- 22.3 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - 22.3.1 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - 22.3.2 Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - 22.3.3 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - 22.3.4 Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - 22.3.5 Tổ chức lại, giải thể công ty;
- 22.4 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 22.3 và Điều 22.5 Điều này.

- 22.5 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
- 22.6 Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
- 22.7 Nghị quyết của Đại hội được gửi cho các Cổ đông trong vòng 15 Ngày làm việc kể từ ngày Nghị quyết được thông qua.

ĐIỀU 23. Biên bản họp Đại hội

- 23.1 Lập biên bản họp Đại hội:
- 23.1.1 Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm lập biên bản họp Đại hội.
- 23.1.2 Chủ tọa Đại hội và Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra nội dung biên bản họp Đại hội và liên đới chịu trách nhiệm với Thư ký Đại hội về: (i) tính trung thực, chính xác của biên bản họp Đại hội, (ii) các thiệt hại do việc kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 23.1.3 Biên bản họp Đại hội là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng Quy định của Công ty trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 23.2 Lưu trữ và quản lý biên bản họp Đại hội và biên bản kiểm phiếu và các giấy tờ khác:
- 23.2.1 Chủ tọa Đại hội chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ, quản lý biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, biên bản kiểm phiếu, bản ghi chép, sổ chữ ký của các cổ đông và văn bản ủy quyền tham dự cuộc họp.
- 23.2.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi cho tất cả các Cổ đông bản sao biên bản họp Đại hội và kiểm phiếu trong vòng mười năm (15) Ngày làm việc kể từ khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.
- 23.3 Ngôn ngữ của biên bản họp Đại hội:
- 23.3.1 Biên bản phải lập bằng tiếng Việt. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lập thêm biên bản bằng tiếng nước ngoài.
- 23.3.2 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.
- 23.4 Nội dung biên bản họp Đại hội
- Biên bản họp Đại hội phải gồm những thông tin tối thiểu như sau:
- 23.4.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- 23.4.2 Thời gian và địa điểm họp Đại hội;
- 23.4.3 Chương trình và nội dung Đại hội;

- 23.4.4 Họ tên của Chủ toạ và thư ký;
 - 23.4.5 Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội về từng vấn đề;
 - 23.4.6 Số Cổ đông có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp; danh sách đăng ký Cổ đông có quyền biểu quyết với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - 23.4.7 Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - 23.4.8 Các quyết định đã được thông qua; và
 - 23.4.9 Họ, tên, chữ ký của Chủ toạ và Thư ký.
- 23.5 Thông qua biên bản Đại hội:
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

ĐIỀU 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 24.1 Ngoại trừ các trường hợp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 22.2 Điều lệ này, các quyết định của Đại hội cổ đông có thể được thông qua mà không cần tổ chức họp bằng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản (sau đây gọi là “**Thông qua quyết định bằng văn bản**”).
- 24.2 Thẩm quyền và thể thức Thông qua quyết định bằng văn bản được thực hiện như sau:
- 24.2.1 Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - 24.2.2 Hội đồng quản trị phải gửi tới địa chỉ liên lạc của từng Cổ đông bằng phương thức bảo đảm ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến các tài liệu sau: (i) phiếu lấy ý kiến, (ii) dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và (iii) các tài liệu giải trình dự thảo quyết định;
 - 24.2.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 24.2.3.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - 24.2.3.2 Mục đích của việc lấy ý kiến;
 - 24.2.3.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - 24.2.3.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 24.2.3.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- 24.2.3.6 Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
- 24.2.3.7 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 24.2.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn lấy ý kiến được coi là không hợp lệ.
- 24.3 Quyết định thông qua bằng văn bản có hiệu lực khi được chấp thuận bởi ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết.
- 24.4 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Trưởng Ban kiểm soát (hoặc một thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng ban chỉ định) hoặc Cổ đông không giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- 24.4.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- 24.4.2 Mục đích và các vấn đề lấy ý kiến;
- 24.4.3 Số Cổ đông đã cho ý kiến bằng văn bản và tổng số phiếu biểu quyết của họ. Danh sách Cổ đông đã cho ý kiến. Số ý kiến hợp lệ và không hợp lệ;
- 24.4.4 Tổng số ý kiến tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 24.4.5 Các quyết định đã được thông qua;
- 24.4.6 Danh sách những người tham gia kiểm phiếu; và
- 24.4.7 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, những người tham gia kiểm phiếu và tham gia giám sát kiểm phiếu.
- 24.5 Các thành viên Hội đồng quản trị và người tham gia giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về: (i) tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, (ii) các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do việc kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 24.6 Biên bản kiểm phiếu và quyết định thông qua bằng văn bản phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến các Cổ đông trong thời hạn năm (15) Ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 24.7 Hội đồng quản trị lưu trữ và quản lý: (i) phiếu ý kiến của Cổ đông, (ii) biên bản kiểm phiếu, (iii) toàn văn nghị quyết đã được thông qua và (iv) các tài liệu gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến.
- 24.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến của Đại hội, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06

tháng có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu thấy rằng:

- 25.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này;
- 25.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.
- 25.3 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG 5. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 26. Số lượng thành viên, nhiệm kỳ, đề cử và bầu Hội đồng quản trị

- 26.1 Số thành viên Hội đồng quản trị:
Số thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng tối thiểu là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên.
- 26.2 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị:
 - 26.2.1 Mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm.
 - 26.2.2 Các thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu.
 - 26.2.3 Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 26.3 Phương thức đề cử ứng viên và bầu các thành viên Hội đồng quản trị:
 - 26.3.1 Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức dồn phiếu quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp hoặc theo phương thức bầu cử thông thường. Hội đồng quản trị cụ thể hóa phương thức bầu cử thành viên Hội đồng quản trị bằng Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thực hiện công bố công khai Quy chế này trước khi thực hiện.
 - 26.3.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử người ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. Tỷ lệ nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
 - 26.3.3 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng viên. Nếu Hội đồng quản trị không giới thiệu được ứng viên hoặc giới thiệu không đủ số lượng ứng viên thì Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông được quyền

giới thiệu bổ sung ứng viên và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Danh sách đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

26.4 Cơ cấu Hội đồng quản trị:

26.4.1 Hội đồng quản trị bao gồm một (01) Chủ tịch Hội đồng quản trị, và các thành viên.

26.4.2 Các thành viên Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

ĐIỀU 27. Thành viên Hội đồng quản trị và các tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

27.1 Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

27.1.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự và là:

27.1.1.1 Cổ đông hoặc đại diện cổ đông sở hữu ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty vào thời điểm được đề cử làm thành viên Hội đồng quản trị; hoặc là

27.1.1.2 Người không thuộc diện nêu tại Điều 27.1.1.1 nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý kinh doanh theo quy định của Hội đồng quản trị.

27.1.2 Thành viên Hội đồng quản trị không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

27.1.3 Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

27.2 Không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị:

27.2.1 Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

27.2.1.1 Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

27.2.1.2 Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;

27.2.1.3 Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

27.2.1.4 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

27.2.1.5 Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

27.2.1.6 Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

- 27.2.2 Hội đồng quản trị ra quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại Điều 27.2.1.1, Điều 27.2.1.2, 27.2.1.3, 27.2.1.4, và 27.2.1.6 và quyết định bãi nhiệm đối với trường hợp quy định tại Điều 27.2.1.5 trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh căn cứ chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị.
- 27.2.3 Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 27.2.1 ở trên vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm về các quyết định mà mình đã tham gia quyết định trước khi không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị.
- 27.3 Cổ đông là pháp nhân có quyền thay đổi người đại diện của mình trong Hội đồng quản trị bằng một thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị ít nhất 10 Ngày làm việc trước khi quyết định thay đổi có hiệu lực. Trong trường hợp này, Cổ đông và người đại diện mới phải chịu mọi trách nhiệm đối với những quyết định trước đó của người đại diện được thay thế.
- 27.4 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
- 27.5 Hội đồng quản trị cần thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất một thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên. Trường hợp các công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.
- 27.6 Công ty phải công bố thông tin khi có sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật về công bố thông tin

ĐIỀU 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 28.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty và có quyền điều hành mọi hoạt động của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng cổ đông.
- 28.2 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các Quy chế quản trị của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể sau:
- 28.2.1 Soạn thảo và đệ trình cho Đại hội đồng cổ đông thông qua:
- 28.2.1.1 Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;

28.2.1.2 Mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời;

28.2.1.3 Các loại Cổ phần và số lượng Cổ phần sẽ được phát hành cho mỗi loại Cổ phần đó; và

28.2.1.4 Việc tái cơ cấu vốn của Công ty.

- 28.2.2 Tổ chức việc chi trả cổ tức;
- 28.2.3 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm để thực hiện chiến lược dài hạn do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 28.2.4 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quy chế tài chính phân quyền cho Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác;
- 28.2.5 Quyết định việc nghiên cứu, triển khai thực hiện các dự án phát triển Công ty;
- 28.2.6 Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và phúc lợi của những người này;
- 28.2.7 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích của Công ty. Quyết định của Hội đồng quản trị trong trường hợp này có hiệu lực kể từ ngày các thủ tục theo quy định của Pháp luật được hoàn tất;
- 28.2.8 Quyết định mức lương và phúc lợi đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;
- 28.2.9 Quyết định các chế độ áp dụng chung đối với cán bộ quản lý và người lao động trong Công ty, bao gồm khung bậc lương, chế độ thưởng và phạt, phúc lợi, sa thải, kỷ luật;
- 28.2.10 Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- 28.2.11 Quyết định việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi kỳ mười hai tháng. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phiếu của Công ty;
- 28.2.12 Quyết định việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm nhưng không hạn chế ở những tài sản sau: vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- 28.2.13 Quyết định việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- 28.2.14 Quyết định việc thành lập các công ty con của Công ty;
- 28.2.15 Quyết định việc mua hoặc bán Cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài trong phạm vi quyết định đầu tư của Hội đồng quản trị;
- 28.2.16 Quyết định các hoạt động sử dụng vốn, đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp, mua tài sản, tham gia các hợp đồng và các quan hệ tín dụng (mượn, cho vay, bán hàng trả chậm, cho thuê tài chính) giữa Công ty và các bên ngoài Công ty theo quy định tại ĐIỀU 45;

- 28.2.17 Phê chuẩn hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những Người có liên quan của Công ty;
- 28.2.18 Hủy bỏ các quyết định của Người quản lý mà Hội đồng quản trị thấy rằng trái với Pháp luật hoặc Quy định của Công ty hoặc có thể gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty;
- 28.2.19 Giám sát Tổng Giám Đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác; và
- 28.2.20 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 28.3 Báo cáo thường niên của Hội đồng quản trị:
- Hội đồng quản trị phải báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên về hoạt động của mình. Báo cáo của Hội đồng quản trị bao gồm việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Người quản lý trong năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông chỉ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sau khi báo cáo của Hội đồng quản trị được thông qua.
- 28.4 Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị:
- 28.4.1 Thành viên Hội đồng quản trị (nhưng không bao gồm các đại diện được ủy quyền thay thế tạm thời) được nhận thù lao cho công việc của họ.
- 28.4.2 Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức thù lao hàng năm của Hội đồng quản trị. Thù lao này được trích từ lợi nhuận sau thuế trong năm tài chính đó của Công ty.
- 28.4.3 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị thì sẽ được Công ty trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương hàng tháng, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị theo chức vụ mà người đó kiêm nhiệm.
- 28.4.4 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, tiền lương, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Hội đồng quản trị.
- 28.5 Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị:
- 28.5.1 Các chi phí liên quan tới hoạt động của Hội đồng quản trị do Công ty chi trả.
- 28.5.2 Các thành viên Hội đồng quản trị được Công ty thanh toán cho tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác liên quan tới việc thực hiện nhiệm vụ của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 29. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

29.1 Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị bầu một Chủ tịch từ số thành viên của mình trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết

thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

29.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc:

Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty khi được sự chấp thuận hàng năm của Đại hội đồng cổ đông.

29.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt:

29.3.1 Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể có mặt để thực hiện các quyền và trách nhiệm của mình, thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.

29.3.2 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt mà không có ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ bỏ phiếu chọn người đảm đương tạm thời quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp này.

29.3.3 Việc thay thế tạm thời và quyết định liên quan tới việc thay thế đó của Hội đồng quản trị sẽ chấm dứt ngay khi Chủ tịch Hội đồng quản trị có mặt để thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình.

29.3.4 Mọi quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành theo đúng quy định của Pháp luật và Quy định của Công ty trong thời gian vắng mặt của Chủ tịch Hội đồng quản trị đều có hiệu lực pháp lý.

29.3.5 Người đảm đương tạm thời quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

29.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

29.4.1 Triệu tập và chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập;

29.4.2 Ký tên trên Sổ chứng nhận cổ đông; ký thay mặt Hội đồng quản trị trên các loại văn bản do Hội đồng quản trị ban hành;

29.4.3 Quyết định các vấn đề khi được Hội đồng quản trị ủy quyền;

29.4.4 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

29.4.5 Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

29.4.6 Tổ chức việc thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; và

29.4.7 Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

29.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đệ trình báo cáo thường niên, báo cáo tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông.

- 29.6 Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người khác thay thế trong thời hạn 10 Ngày làm việc.

ĐIỀU 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

30.1 Các cuộc họp thường kỳ:

- 30.1.1 Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất một lần một quý.
30.1.2 Thời gian tổ chức họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.

30.2 Các cuộc họp bất thường:

30.2.1 Cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị được tổ chức theo:

30.2.1.1 Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc

30.2.1.2 Theo yêu cầu bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận của:

- Tổng Giám đốc; hoặc
- Hai thành viên Hội đồng quản trị; hoặc
- Ban Kiểm Soát; hoặc
- Kiểm toán viên độc lập của Công ty liên quan tới báo cáo kiểm toán của Công ty.

30.2.2 Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 30.2.1 Điều lệ này. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người yêu cầu tổ chức cuộc họp nêu tại Điều 30.2.1 (ngoại trừ Kiểm toán viên độc lập) có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

30.3 Địa điểm họp:

- 30.3.1 Người triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị đề xuất địa điểm họp.
30.3.2 Trong trường hợp có bất kỳ thành viên nào của Hội đồng quản trị phản đối địa điểm họp được đề xuất thì địa điểm họp là trụ sở đăng ký hoặc hoạt động chính của Công ty.

30.4 Thông báo và chương trình họp:

- 30.4.1 Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên 07 Ngày làm việc trước khi tổ chức họp.
30.4.2 Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và bao gồm các nội dung sau:
30.4.2.1 Chương trình, thời gian, và địa điểm họp; và
30.4.2.2 Nội dung những vấn đề sẽ được bàn bạc và các tài liệu tham khảo.
30.4.3 Phiếu biểu quyết của thành viên (bao gồm cả phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp) sẽ được gửi kèm theo thông báo họp.

30.5 Số thành viên tham dự tối thiểu:

- 30.5.1 Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa ($\frac{1}{2}$) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- 30.5.2 Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt nhưng có gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản theo quy định tại Điều 30.6 thì người đó cũng được coi là có mặt trực tiếp tại cuộc họp. Tuy nhiên, đối với những quyết định mà (i) người vắng mặt không biểu quyết hoặc (ii) không có trong chương trình họp gửi cho các thành viên, thì người vắng mặt không được tính vào số thành viên tham dự tối thiểu cho các quyết định đó.
- 30.5.3 Đối với trường hợp biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất có mâu thuẫn về lợi ích như được quy định tại Điều 30.7.2, thì người có lợi ích liên quan sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp.
- 30.6 Các quy định liên quan tới vắng mặt của thành viên Hội đồng quản trị:
- 30.6.1 Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể:
- 30.6.1.1 Ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp; hoặc
- 30.6.1.2 Biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản.
- 30.6.2 Ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp:
- 30.6.2.1 Người được uỷ quyền dự họp có thể là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác được Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp người được uỷ quyền cũng là thành viên của Hội đồng quản trị thì người đó sẽ có quyền biểu quyết tương ứng với mỗi tư cách của mình.
- 30.6.2.2 Thành viên Hội đồng quản trị uỷ quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị chịu mọi trách nhiệm liên quan tới quyết định của người được uỷ quyền.
- 30.6.3 Biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản:
- Phiếu biểu quyết bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt phải được chuyển tới Hội đồng quản trị không muộn hơn 1 tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.
- 30.7 Quyền biểu quyết:
- 30.7.1 Ngoại trừ trường hợp quy định tại Điều 30.6.2.1, mỗi người tham gia họp Hội đồng quản trị sẽ chỉ có một phiếu biểu quyết.
- 30.7.2 Người tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị không được quyền biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà người đó (hoặc Người có liên quan với người đó):
- 30.7.2.1 Có lợi ích từ giao dịch này lớn hơn lợi ích có được từ việc sở hữu Cổ phần, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công ty; hoặc

- 30.7.2.2 Lợi ích này mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
- 30.7.3 Người chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị là người có quyền quyết định cuối cùng đối với các tranh chấp liên quan tới (i) mức độ lợi ích của người tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, hoặc (ii) liên quan đến quyền biểu quyết của những người tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.
- 30.8 Nguyên tắc biểu quyết:
- Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số người tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quá bán (trên 50% số thành viên dự họp tán thành). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người có lá phiếu quyết định.
- 30.9 Tuyên bố lợi ích:
- 30.9.1 Một thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó.
- 30.9.2 Việc tuyên bố nêu trên phải thực hiện ngay tại cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên sau khi thành viên biết được mình có lợi ích liên quan như nêu tại Điều 30.9.1.
- 30.10 Hợp thông qua hình thức đàm thoại từ xa:
- 30.10.1 Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức đàm thoại từ xa giữa các thành viên của Hội đồng quản trị với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể đồng thời:
- 30.10.1.1 Nghe được toàn bộ các trao đổi giữa các thành viên khác trong cuộc họp; hoặc
- 30.10.1.2 Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác.
- 30.10.2 Việc đàm thoại từ xa có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác được Hội đồng quản trị chấp thuận. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm ghi âm hoặc ghi hình cuộc họp từ xa để làm căn cứ cho biên bản họp Hội đồng quản trị.
- 30.10.3 Trong trường hợp cuộc họp theo phương thức đàm thoại từ xa được tổ chức hợp lệ thì các nghị quyết của cuộc họp sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị có chữ ký xác nhận của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp có giá trị như nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo cách thông thường.
- 30.11 Thông qua nghị quyết bằng văn bản mà không tổ chức họp
- Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết mà không cần tổ chức họp khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- 30.11.1 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết; hoặc
- 30.11.2 Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao có chữ ký của ít nhất một thành viên.

30.12 Biên bản cuộc họp:

- 30.12.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên.
- 30.12.2 Mọi ý kiến phản đối nghị quyết của Hội đồng quản trị của thành viên tham dự cuộc họp phải được ghi rõ vào biên bản.
- 30.12.3 Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị là bằng chứng về quyết định của Hội đồng quản trị trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Nội dung biên bản tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
- 30.12.4 Trong trường hợp có thành viên không ký vào biên bản cuộc họp thì thành viên đó bị coi là không tham gia cuộc họp.

30.13 Những người được mời họp dự thính:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

ĐIỀU 31. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không được trái quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- 31.1 Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - 31.2 Tham dự các cuộc họp;
 - 31.3 Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - 31.4 Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG 6. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CƠ CẤU ĐIỀU HÀNH KINH DOANH CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 32. Cơ cấu điều hành kinh doanh của Công ty

- 32.1 Hoạt động kinh doanh của Công ty được điều hành bởi Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- 32.2 Các phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác là người trợ giúp và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.
- 32.3 Cơ cấu, tổ chức bộ máy Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

ĐIỀU 33. Nhân viên, cán bộ quản lý và công đoàn

- 33.1 Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật các nhân viên, cán bộ quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 34.4.11.
- 33.2 Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý thực hiện theo quy định tại Điều 34.4.10.
- 33.3 Tổng giám đốc điều hành phải soạn thảo khung bậc lương, chế độ thưởng và phạt áp dụng chung đối với cán bộ quản lý và người lao động trong Công ty để Hội đồng quản trị thông qua.
- 33.4 Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của Pháp luật và Quy định của Công ty về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn.

ĐIỀU 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

- 34.1 Điều kiện và tiêu chuẩn
Tổng Giám đốc phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 34.2 Bổ nhiệm
Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm Tổng Giám đốc và quyết định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc bổ nhiệm.
- 34.3 Nhiệm kỳ
34.3.1 Mỗi nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm). Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
34.3.2 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc sẽ đương nhiên chấm dứt trước thời hạn nếu như hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc chấm dứt hiệu lực.
- 34.4 Quyền hạn và Nhiệm vụ
Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
34.4.1 Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều 2.2.4;

- 34.4.2 Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh và có quyền cao nhất trong việc điều hành hoạt động kinh doanh các công việc hàng ngày của Công ty;
- 34.4.3 Thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 34.4.4 Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- 34.4.5 Trong vòng 45 ngày trước khi kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- 34.4.6 Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- 34.4.7 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin khác theo Quy định của Công ty;
- 34.4.8 Tuân thủ Điều lệ này và các Quy định của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và Pháp luật;
- 34.4.9 Phê duyệt kế hoạch các khoản vay, khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty định kỳ hàng quý;
- 34.4.10 Quyết định lương và phúc lợi đối với người lao động trong công ty kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- 34.4.11 Bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật nhân viên và cán bộ quản lý (không thuộc quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị) của Công ty theo quy định của Pháp luật về lao động; và
- 34.4.12 Quyết định các hoạt động sử dụng vốn, đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp, mua tài sản, tham gia các hợp đồng và các quan hệ tín dụng (mượn, cho vay, bán hàng trả chậm, cho thuê tài chính) giữa Công ty và các bên ngoài Công ty theo phân quyền của Hội đồng quản trị tại quy chế quản trị do Hội đồng quản trị ban hành.

34.5 Miễn trách nhiệm

Tổng Giám đốc được miễn trách nhiệm đối với các thiệt hại gây ra cho Công ty do các quyết định kinh doanh của mình với các điều kiện sau:

- 34.5.1 Quyết định của Tổng Giám đốc nằm trong phạm vi quyền và trách nhiệm được quy định tại Điều 34.4;
- 34.5.2 Quyết định của Tổng Giám đốc được đưa ra căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm ra quyết định và được xem xét cẩn trọng, theo đúng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp (nếu có), và Tổng Giám đốc hoặc bất kỳ Người liên quan nào tới Tổng Giám đốc không hưởng lợi ích riêng trực tiếp từ quyết định đó;
- 34.5.3 Quyết định của Tổng Giám đốc tuân thủ các quy định của Điều lệ này, các Quy định của Công ty và các quy định của Pháp luật;
- 34.5.4 Rủi ro gây ra thiệt hại là không lường trước được và/hoặc tương đương với rủi

ro trong các giao dịch tương tự khác mà Tổng Giám đốc đã ra quyết định trước đó;

34.5.5 Thiệt hại xảy ra là do các sự kiện bất khả kháng theo quy định của Pháp luật; và

34.5.6 Trong trường hợp không có các điều kiện nêu trên, Tổng Giám đốc cũng được miễn trách nhiệm nếu không có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và quyết định của Tổng Giám đốc.

34.6 Báo cáo lên Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

34.7 Bãi nhiệm

34.7.1 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp biểu quyết tán thành việc bãi nhiệm và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

34.7.2 Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị không tham gia biểu quyết trong trường hợp biểu quyết miễn nhiệm chính mình.

34.7.3 Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

CHƯƠNG 7. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ

ĐIỀU 35. Trách nhiệm cần trọng của Người quản lý

Người quản lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

35.1 Một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty;

35.2 Tuân thủ các quy tắc chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (nếu có) và các quy định chuyên môn; và

35.3 Với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

ĐIỀU 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

36.1 Người quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân.

36.2 Người quản lý không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác khi chưa có sự chấp thuận của Công ty bằng văn bản.

36.3 Người quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về những lợi ích họ có thể được hưởng thông qua các giao dịch với các pháp nhân kinh tế và cá nhân khác mà các lợi ích đó mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Những đối tượng này chỉ có thể sử

dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị chấp thuận vấn đề này. Người có lợi ích không được tham gia bỏ phiếu khi Hội đồng quản trị quyết định vấn đề.

- 36.4 Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho (i) Người quản lý và những Người có liên quan của người đó và (ii) pháp nhân trong đó Người quản lý có các lợi ích tài chính trừ khi Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong phạm vi thẩm quyền theo quy định tại ĐIỀU 45 của mình) có quyết định khác.
- 36.5 Không một Người quản lý hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

ĐIỀU 37. Trách nhiệm và bồi thường

- 37.1 *Trách nhiệm.* Người quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 37.2 *Bồi thường.* Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
- 37.2.1 Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- 37.2.2 Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
- 37.3 Những chi phí được bồi thường bao gồm:
- 37.3.1 Các chi phí liên quan tới giải quyết Vụ việc (kể cả phí thuê luật sư), và
- 37.3.2 Án phí, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán hợp lý phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.
- Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG 8. BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 38. Cơ cấu, quyền hạn và hoạt động của Ban kiểm soát

38.1 Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát:

- 38.1.1 Ban kiểm soát hoạt động độc lập, có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, bộ máy điều hành kinh doanh của Công ty và sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động giám sát của mình.
- 38.1.2 Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động Công ty. Người quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty khi cung cấp các thông tin và biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị cho thành viên Hội đồng quản trị phải gửi một bản sao cho Ban kiểm soát.

38.2 Quyền hạn

Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- 38.2.1 Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
- 38.2.2 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- 38.2.3 Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- 38.2.4 Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
- 38.2.5 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- 38.2.6 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- 38.2.7 Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
- 38.2.8 Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
- 38.2.9 Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn 07 ngày từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực

tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

38.3 Cơ cấu của Ban kiểm soát

38.3.1 Ban Kiểm soát có 3 thành viên. Các thành viên trong Ban Kiểm Soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty, không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Trong đó có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

38.3.2 Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

38.3.2.1 Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;

38.3.2.2 Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát; và

38.3.2.3 Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát để trình lên Đại hội đồng cổ đông sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 39. Hợp Ban kiểm soát

39.1 Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban với điều kiện Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu trong các cuộc họp là 02 (hai) thành viên.

39.2 Thời gian tổ chức họp do Trưởng Ban kiểm soát quyết định.

39.3 Địa điểm họp của Ban kiểm soát là trụ sở hoạt động của Công ty hoặc một địa điểm khác trên lãnh thổ Việt Nam do Ban Kiểm soát lựa chọn.

39.4 Các quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi được đa số thành viên tham dự họp chấp thuận. Việc biểu quyết được tiến hành công khai. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm ghi và lưu trữ biên bản họp Ban kiểm soát. Mọi ý kiến phản đối hoặc biểu quyết chống của các thành viên Ban kiểm soát phải được ghi lại trong biên bản. Biên bản của Ban kiểm soát phải có chữ ký của thư ký và các thành viên Ban kiểm soát.

39.5 Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

ĐIỀU 40. Nhiệm kỳ và Bầu Ban kiểm soát

40.1 Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm. Các thành viên của Ban Kiểm soát có thể được bầu lại không hạn chế số nhiệm kỳ.

40.2 Bầu Ban kiểm soát:

- 40.2.1 Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu theo quy định tại Điều 17.2.8. Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức dồn phiếu quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị cụ thể hóa phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 40.2.2 Cổ đông lớn có quyền đề cử người ứng cử thành viên Ban kiểm soát với tỷ lệ một ứng cử viên cho mỗi 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty mà Cổ đông đó nắm giữ.

ĐIỀU 41. Chi phí hoạt động và ngân sách của Ban kiểm soát

- 41.1 Ngân sách hoạt động hàng năm, bao gồm thù lao của thành viên Ban kiểm soát và các chi phí khác cho hoạt động của Ban Kiểm soát, sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty và cho các cổ đông.
- 41.2 Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, tổng mức chi phí trên không vượt quá mức ngân sách hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

ĐIỀU 42. Mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

Một thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- 42.1 Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát; hoặc
- 42.2 Thành viên đó gửi đơn xin từ chức đến trụ sở chính cho Công ty. Hội đồng quản trị sẽ xem xét và thông báo cho cổ đông về việc từ chức. Hội đồng quản trị sẽ đề cử người thay thế để Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; hoặc
- 42.3 Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; hoặc
- 42.4 Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

CHƯƠNG 9. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

ĐIỀU 43. Phân chia lợi nhuận và các quỹ

Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và sau khi lợi nhuận của Công ty thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, lợi nhuận công ty được phân chia theo nguyên tắc:

- 43.1 Trích lập các quỹ theo mức do Hội đồng quản trị quyết định hàng năm nhưng không vượt quá mức trích tối đa được quy định trong quy chế tài chính nội bộ của Công ty.
- 43.2 Chi phần còn lại làm cổ tức cổ đông theo qui định tại ĐIỀU 44.

ĐIỀU 44. Cổ tức

44.1 Mức cổ tức:

Hội đồng quản trị đề xuất mức chia cổ tức để Đại hội đồng cổ đông quyết định. Sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông, mức cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

44.2 Trả cổ tức:

44.2.1 Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

44.2.2 Công ty không trả lãi tín dụng trên cổ tức hay bất cứ khoản tiền nào khác có thể được trả cho cổ đông liên quan tới Cổ phần.

44.2.3 Trả cổ tức bằng tiền:

Việc chi trả cổ tức bằng tiền được thực hiện thông qua một trong các cách sau: (i) chi trả bằng tiền mặt thực hiện tại trụ sở Công ty; (ii) chuyển khoản, (iii) séc, (iv) lệnh trả tiền gửi qua bưu điện.

44.2.3.1 Cổ đông có quyền lựa chọn phương thức nhận cổ tức và chịu mọi rủi ro và các chi phí liên quan tới phương thức trả cổ tức đó.

44.2.3.2 Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.

44.2.4 Trả cổ tức bằng các lợi ích khác ngoài tiền:

Theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Cổ đông có quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các Cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những Cổ phần bổ sung này được ghi là những Cổ phần đã thanh toán hết tiền mua.

44.2.5 Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người được nhận Cổ tức từ Công ty.

44.3 Chốt Sổ đăng ký cổ đông:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quy định một ngày cụ thể (“Ngày chốt sổ”) làm ngày xác định những Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu. Ngày chốt sổ có thể là (i) ngày Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông

báo hoặc tài liệu hoặc (ii) vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Việc xác định Ngày chốt sổ không ảnh hưởng tới quyền lợi của các bên trong giao dịch chuyển nhượng các cổ phần hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG 10. TÀI CHÍNH

ĐIỀU 45. Quyền về tài chính

Đối với các hoạt động sử dụng vốn: đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp, mua tài sản, tham gia các hợp đồng và các quan hệ tín dụng (mượn, cho vay, bán hàng trả chậm, cho thuê tài chính) giữa Công ty và các chủ thể khác, Công ty phải tuân thủ các nguyên tắc sau về quyền tài chính:

- 45.1 Đối với mọi loại giao dịch ngoại trừ giao dịch đầu tư và bán tài sản và giao dịch có thể phát sinh mâu thuẫn về lợi ích: Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định đối với mọi giao dịch ngoại trừ giao dịch được Hội đồng quản trị phân quyền cho Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác.
- 45.2 Đối với giao dịch đầu tư và bán tài sản:
 - 45.2.1 Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định đối với các giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất
 - 45.2.2 Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền quyết định đối với các giao dịch có giá trị bằng và lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- 45.3 Đối với giao dịch có thể phát sinh mâu thuẫn về lợi ích như được quy định dưới đây phải được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo thẩm quyền:
 - 45.3.1 Giao dịch có thể phát sinh mâu thuẫn về lợi ích bao gồm:
 - 45.3.1.1 Giao dịch giữa Công ty và Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ) sở hữu trên 10% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết và những Người có liên quan của họ.
 - 45.3.1.2 Giao dịch giữa Công ty và Thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Tổng giám đốc và Người có liên quan của họ;
 - 45.3.1.3 Giao dịch giữa Công ty và công ty mà trong đó những cá nhân sau có phần vốn góp hoặc cổ phần: (i) Người quản lý, và (ii) thành viên Ban kiểm soát; và
 - 45.3.1.4 Giao dịch giữa Công ty và công ty mà những Người có liên quan của Người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát nắm giữ trên 10% vốn điều lệ.
 - 45.3.2 Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định đối với các giao dịch nêu tại Điều 45.3.1 có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; và

- 45.3.3 Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền quyết định đối với các giao dịch nêu tại Điều 45.3.1 có giá trị bằng và lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

Bảng dưới đây được sử dụng minh họa cho quy định tại các Điều 45.1, 45.2 và 45.3.

	Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
Mọi loại giao dịch ngoại trừ giao dịch đầu tư và bán tài sản và giao dịch có thể phát sinh mâu thuẫn về lợi ích.	Mọi giao dịch ngoại trừ giao dịch đã phân quyền	Không quyết định vấn đề này.
Giao dịch đầu tư và bán tài sản.	Giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	Giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
Giao dịch có thể phát sinh mâu thuẫn về lợi ích.	Giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	Giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt quy trình thực hiện và các mẫu tờ trình có liên quan đến việc thực hiện quyền tài chính, phù hợp với các quy định cụ thể tại điều này.

ĐIỀU 46. Quy chế tài chính nội bộ

Quy chế tài chính nội bộ của Công ty được xây dựng theo nguyên tắc tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính doanh nghiệp hiện hành và phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng quy chế tài chính nội bộ của Công ty để trình Hội đồng quản trị quyết định.

ĐIỀU 47. Tài khoản ngân hàng

- 47.1 Công ty sẽ mở tài khoản tại các Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. Tổng Giám đốc quyết định việc mở tài khoản này.
- 47.2 Khi cần thiết Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài sau khi có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị quyết định việc mở tài khoản này.

ĐIỀU 48. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 năm đó. Năm tài khóa đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

ĐIỀU 49. Hệ thống kế toán

- 49.1 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc một hệ thống kế toán khác được Bộ tài chính chấp thuận. Việc thay đổi hệ thống kế toán do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 49.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Trong trường hợp có Cổ đông nước ngoài được xác định là Cổ đông chiến lược thì sổ sách kế toán có thể được lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Tuy nhiên trong mọi trường hợp, bản tiếng Việt là bản có hiệu lực.
- 49.3 Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 49.4 Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

ĐIỀU 50. Báo cáo hàng năm

- 50.1 Công ty sẽ phải chuẩn bị bản báo cáo kế toán theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Bộ Tài chính và có thể được kiểm toán theo quy định tại ĐIỀU 52 của Điều lệ này.
- 50.2 Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm: (i) bảng cân đối kế toán, (ii) báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, (iii) báo cáo lưu chuyển tiền tệ và (iv) thuyết minh báo cáo tài chính.
- 50.3 Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các Cổ đông. Hội đồng quản trị quyết định việc công bố bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm lên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang điện tử (website) của Công ty.

ĐIỀU 51. Công bố thông tin tài chính và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu cần thiết khác phải được công bố và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Pháp luật, chủ yếu là những công việc sau:

- 51.1 Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo Điều 52 Điều lệ này, và trong thời hạn do pháp luật quy định kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, và cơ quan đăng ký kinh doanh.

- 51.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
- 51.3 Công ty phải lập và công bố các báo cáo 06 (sáu) tháng và quý theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp
- 51.4 Báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
- 51.5 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
- 51.6 Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 52. Kiểm toán

- 52.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định chọn trong danh sách đó công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và đáp ứng các yêu cầu của Pháp luật tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
- 52.2 Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
- 52.3 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng (02) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
- 52.4 Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
- 52.5 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG 11. LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 53. Lao động

Các vấn đề liên quan đến lao động, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc tuyển dụng, thuê mướn, trả lương, kỷ luật người lao động và nhân viên của Công ty sẽ tuân theo các quy định của pháp luật về lao động của Việt Nam.

ĐIỀU 54. Công đoàn

Các vấn đề liên quan đến lập, tổ chức và hoạt động của Công đoàn của Công ty sẽ tuân theo các quy định của pháp luật về công đoàn của Việt Nam.

CHƯƠNG 12. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

ĐIỀU 55. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 55.1 Cổ đông lớn có quyền, trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện.
- 55.2 Người quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 55.3 Công ty sẽ lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký Kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 55.4 Mọi Cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ này có thể được đưa lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 55.5 Các Cổ đông có quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả chi phí cho việc sao chụp.

ĐIỀU 56. Con dấu

- 56.1 Con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật.
- 56.2 Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 57. Chấm dứt hoạt động

Công ty chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- 57.1 Giải thể theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại ĐIỀU 17 của Điều lệ này.

- 57.2 Giải thể khi Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 57.3 Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 58. Trình tự giải thể và thanh lý

- 58.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp:
- 58.1.1 Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm lập Ban thanh lý công ty theo quy định tại Điều 58.3. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh, tất cả chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp, quyết định này phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của doanh nghiệp và đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày trung ương trong 3 số liên tiếp.
- 58.1.2 Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ; thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của Công ty.
- 58.1.3 Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày thanh toán hết nợ của Công ty, Ban thanh lý phải gửi hồ sơ về giải thể doanh nghiệp đến cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh.
- 58.2 Trường hợp công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Công ty phải giải thể trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định tại Điều này.
- 58.3 Ban thanh lý công ty: Sau khi Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể Công ty, hoặc Công ty bị thu hồi giấy phép kinh doanh, Ban thanh lý công ty sẽ được thành lập gồm ba (3) thành viên trong đó hai (2) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Ban thanh lý hoạt động theo quy chế do Đại hội đồng cổ đông quy định. Thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập và không nhất thiết phải là cổ đông hay thành viên Hội đồng quản trị. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 58.4 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày Ban thanh lý được thành lập bắt đầu hoạt động. Kể từ khi Ban thanh lý bắt đầu hoạt động, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty, kể cả việc đại diện công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính nhà nước.
- 58.5 Tiền thu được từ việc thanh lý công ty sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- 58.5.1 Các chi phí thanh lý;
- 58.5.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- 58.5.3 Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

58.5.4 Các khoản vay (nếu có);

58.5.5 Các khoản nợ khác của Công ty;

58.5.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục 58.5.1 đến 58.5.5 trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các Cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước các Cổ phần phổ thông và Cổ phần ưu đãi biểu quyết.

ĐIỀU 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

59.1 Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới (i) hoạt động của Công ty hay (ii) quyền của các Cổ đông hay (iii) bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

59.1.1 Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc

59.1.2 Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý khác thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.

59.2 Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các sự việc liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 Ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm Soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

59.3 Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 08 (tám) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Toà án có thẩm quyền.

59.4 Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng, hoà giải và thuê luật sư. Các chi phí của Toà án sẽ theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

ĐIỀU 61. Ngày hiệu lực

Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

61.1 Điều lệ được lập thành 03 (ba) bản chính và được lưu trữ tại văn phòng Công ty.

- 61.2 Điều lệ này thay thế các bản Điều lệ trước đây kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 61.3 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.
- 61.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký vào Điều lệ này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch HĐQT



DƯƠNG BÁ NAM

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	LOẠI CỔ PHẦN	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ CỔ PHẦN (tỷ đồng)	TỶ LỆ GÓP VỐN (%)	GIẤY ĐĂNG KÝ KINH DOANH
1	Công ty TNHH Một thành viên An Phú	606 Trần Hưng Đạo, P.2, Q.5, TP.HCM	Phổ thông	10.000.000	100	10,00%	4104000085
2	Công ty cổ phần Tân Hiệp	80 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP.HCM	Phổ thông	35.500.000	355	35,50%	4103002267
3	Công ty cổ phần Hiệp Phúc	85 Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM	Phổ thông	35.500.000	355	35,50%	4103002312